

Số: 89/2024/DTD/CBTT

Hà Nam, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt

- Mã chứng khoán: DTD
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ: 02263.883.136
- Email: thanhdathn2010@gmail.com Website: <http://thanhdathanam.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Bán niên 2024:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?



Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTCKT có chênh lệch trên 5% so với BCTC trước kiểm toán?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận chênh lệch trên 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2024 tại đường dẫn: <http://thanhdathanam.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 88/2024/CV

Hà Nam, ngày 28 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch LNST tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Bán niên 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt
Địa chỉ trụ sở chính : Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Mã chứng khoán : DTD

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Bán niên 2024 và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Bán niên 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (Công ty) xin được giải trình về trường hợp chênh lệch lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Bán niên 2024 của Công ty có chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Đối với Báo cáo tài chính riêng Bán niên 2024

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính 166.590.045.543 đồng, tăng 77.681.187.908 đồng (tương ứng tăng 87,37%) so với cùng kỳ năm trước là 88.908.857.635 đồng.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Bán niên 2024

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo là 96.677.579.871 đồng, giảm 154.537.710.883 đồng (tương ứng giảm 61,52%) so với cùng kỳ năm trước là 251.215.290.754 đồng.

Nguyên nhân:

Đối với Báo cáo tài chính riêng Bán niên 2024:

Nguyên nhân của sự tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng Bán niên 2024 so với cùng kỳ năm trước đến từ Doanh thu hoạt động tài chính nhận được từ khoản cổ tức của công ty con của công ty là CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III tăng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu hoạt động tài chính trong Bán niên 2024 là 158.772.215.847 đồng, tăng 78.217.909.995 đồng (tương ứng mức tăng 97,09%) so với Bán niên 2023.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất Bán niên 2024:

Nguyên nhân chủ yếu đến từ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Báo cáo Bán niên 2024 giảm 323.204.534.496 đồng (tương ứng giảm 54,66%) trong khi giá vốn giảm



123.578.918.474 đồng (tương ứng giảm 45,28%) khiến Lợi nhuận gộp giảm 199.625.616.022 đồng (tương ứng giảm 62,69%) so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, doanh thu sụt giảm chủ yếu đến từ việc doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý giảm 322.898.420.900 (tương ứng giảm 68,23%) từ mức 473.267.061.659 đồng tại BCTC Bán niên 2023 xuống còn 150.368.640.759 đồng tại BCTC Bán niên 2024.

Giá vốn giảm chủ yếu đến từ việc giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý giảm 118.719.077.820 đồng (tương ứng giảm 69,86%) từ mức 169.949.995.621 đồng tại BCTC Bán niên 2023 xuống còn 51.230.917.801 đồng tại BCTC Bán niên 2024.

Lý do sự sụt giảm hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng và quản lý đến từ sự sụt giảm doanh thu từ Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam.

Trên đây là các giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt về biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng và Hợp nhất BCTC Bán niên 2024 có sự chênh lệch quá 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên;
- HĐQT, BKS để b/c;
- Ban TGD để biết;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Đức



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THÀNH ĐẠT**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 43

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 12 tháng 05 năm 2023, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 12/05/2023. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 28 ngày 10 tháng 07 năm 2024.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Huy Cương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Thuyết	Thành viên	
Ông Trần Việt Đức	Thành viên	
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Ông Vũ Sơn Tùng	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Hà	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Dự	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Việt Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đưa đến yếu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Trần Việt Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Số: 26065/2024/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và các thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện"

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần tại báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 03 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 29 tháng 08 năm 2023.



Trần Thành Trung
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4427-2021-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.272.380.260	251.103.624.494
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	56.362.468.584	22.284.589.848
1. Tiền	111		36.362.468.584	22.284.589.848
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		106.014.255.412	5.671.801.351
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	106.014.255.412	5.671.801.351
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.770.597.314	110.959.863.183
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	157.950.140.073	117.160.627.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	8.576.098.251	10.637.555.523
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	-	87.304.381
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(21.755.641.010)	(16.925.624.258)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	95.009.953.626	93.975.626.746
1. Hàng tồn kho	141		95.009.953.626	93.975.626.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.115.105.324	18.211.743.366
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	153.283.332	290.865.203
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.143.543.206	17.326.913.980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	818.278.786	593.964.183
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		626.317.507.573	618.669.497.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.673.867.955	52.794.438.637
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	52.673.867.955	52.794.438.637
II. Tài sản cố định	220		209.677.873.700	184.834.536.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	209.677.873.700	184.834.536.584
- Nguyên giá	222		322.775.520.834	289.880.479.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.097.647.134)	(105.045.942.584)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		120.436.115.119	134.171.615.023
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	120.436.115.119	134.171.615.023
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.12	242.356.153.095	242.356.153.095
1. Đầu tư vào công ty con	251		227.674.900.000	227.674.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		39.000.000.000	39.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(24.318.746.905)	(24.318.746.905)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.173.497.704	4.512.753.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	1.173.497.704	4.512.753.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.043.589.887.833	869.773.121.608

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		203.835.315.452	196.608.594.770
I. Nợ ngắn hạn	310		127.632.603.302	118.354.604.620
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	25.432.134.607	25.814.077.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	80.211.960.201	79.670.869.099
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	6.980.845.856	3.832.657.781
4. Phải trả người lao động	314		640.209.854	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	859.222.426	146.500.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	908.060.000	732.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	136.270.501	264.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	12.463.899.857	7.894.000.000
II. Nợ dài hạn	330		76.202.712.150	78.253.990.150
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	22.098.776.000	22.098.776.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	54.103.936.150	56.155.214.150
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		839.754.572.381	673.164.526.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	839.754.572.381	673.164.526.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		493.444.160.000	493.444.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		493.444.160.000	493.444.160.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		346.310.412.381	179.720.366.838
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		179.720.366.838	106.605.526.145
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		166.590.045.543	73.114.840.693
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.043.589.887.833	869.773.121.608

Người lập biểu
Đinh Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng
Dương Thị Thu Hiền



Tổng Giám đốc
Trần Việt Đức
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 26 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	120.077.397.256	148.852.564.040
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		120.077.397.256	148.852.564.040
Giá vốn hàng bán	11	5.2	96.910.327.007	133.107.827.415
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.167.070.249	15.744.736.625
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	158.778.779.756	80.560.869.761
Chi phí tài chính	22	5.4	2.585.801.080	(1.721.333.834)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.585.801.080	928.484.326
Chi phí bán hàng	25	5.5	1.210.061.439	465.083.959
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	10.047.072.058	7.253.524.155
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		168.102.915.428	90.308.332.106
Thu nhập khác	31	5.7	200	638.630.775
Chi phí khác	32	5.8	77.302.106	118.966.383
Lợi nhuận (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(77.301.906)	519.664.392
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		168.025.613.522	90.827.996.498
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.435.567.979	1.919.138.863
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		166.590.045.543	88.908.857.635

Người lập biểu
Đinh Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng
Dương Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc
Trần Việt Đức
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 26 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		168.025.613.522	90.827.996.498
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02		8.041.469.883	7.376.532.699
- Các khoản dự phòng	03		4.830.016.752	(2.649.818.160)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(158.778.779.756)	(81.169.960.669)
- Chi phí lãi vay	06		2.585.801.080	928.484.326
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.704.121.481	15.313.234.694
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.561.124.030)	(44.593.047.622)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.034.326.880)	28.790.443.274
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.053.539.133)	12.446.965.070
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.476.837.942	1.141.990.293
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.585.801.080)	(928.484.326)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.241.981.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.053.831.700)	8.929.119.448
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(14.823.237.116)	(20.695.533.815)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	609.090.908
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.342.454.061)	(264.648.568)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	336.784.177
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		158.778.779.756	80.560.869.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.613.088.579	60.546.562.463

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ đi vay	33	6.269.899.857	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.751.278.000)	(17.881.012.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.518.621.857	(15.881.012.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	34.077.878.736	53.594.669.911
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.284.589.848	17.883.331.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	56.362.468.584	71.478.001.141

Người lập biểu
Đinh Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng
Dương Thị Thu Hiền



Tổng Giám đốc
Trần Việt Đức
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 26 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Ngày 12 tháng 05 năm 2023, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 ngày 12/05/2023. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 28 ngày 10/07/2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 28 là: 567.452.850.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 493.444.160.000 đồng; tương đương 49.344.416 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 97 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 94 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng công trình, sản xuất bê tông, bán xăng dầu và dịch vụ khách sạn, lưu trú.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng (chi tiết: không kinh doanh dịch vụ nổ mìn)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sản công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Dịch vụ lưu trú khách sạn ngắn ngày;
- Bán buôn xăng, dầu.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động dịch vụ lưu trú khách sạn, sản xuất bê tông,... là dưới 12 tháng và đối với hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thi công của từng công trình theo hợp đồng ký kết giữa Công ty và Chủ đầu tư.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Trong kỳ không có đặc điểm gì đặc biệt ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Đường N1, nhà điều hành KCN hỗ trợ Đồng Văn III, Phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	65	65	Cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê nhà xưởng và cung cấp dịch vụ quản lý khu công nghiệp
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	Khu công nghiệp Đồng Văn III, Phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	39	39	Dịch vụ vận tải logistics

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đảm bảo tính so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính, kỳ kế toán giữa niên độ

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này <i>[Số năm]</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 – 30 năm
Máy móc và thiết bị	03 – 08 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02 – 05 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa máy móc

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

3.9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

3.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền thuê mặt bằng cho nhiều kỳ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

3.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản

phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.17. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí lãi vay.

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	2.393.341.014	6.888.019.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.969.127.570	15.396.570.665
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	-
	56.362.468.584	22.284.589.848

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nam và Ngân hàng TMCP Phương Đông với lãi suất lần lượt là 3,75%/năm và 3,7%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	106.014.255.412	106.014.255.412	5.671.801.351	5.671.801.351
Tiền gửi có kỳ hạn	106.014.255.412	106.014.255.412	5.671.801.351	5.671.801.351
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (1)	5.677.594.733	5.677.594.733	5.355.390.938	5.355.390.938
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	336.660.679	336.660.679	316.410.413	316.410.413
- Công ty Cổ phần chứng khoán VPS (3)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
	106.014.255.412	106.014.255.412	5.671.801.351	5.671.801.351

- (1) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam ngày 09/03/2023 quay vòng tại ngày 09/03/2024 số tiền là 5.677.594.733 VND đang thế chấp cho khoản vay theo hợp đồng vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT384-THANHDAT ký ngày 10/07/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam với lãi suất 5,5%/năm.
- (2) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam ngày 18/01/2023 quay vòng tại ngày 18/01/2024 số tiền 336.660.679 VND đang thế chấp cho khoản vay theo hợp đồng vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT384-THANHDAT ký ngày 10/07/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam với lãi suất 5,5%/năm.
- (3) Tiền gửi có kỳ hạn 3 – 6 tháng mở tại Công ty Cổ phần chứng khoán VPS theo các hợp đồng sau:
- Giao dịch số 4/065898/INFY ký ngày 25/06/2024. Số tiền đầu tư là: 20.000.000.000 VND, thời gian giao dịch 3 tháng, mức lợi tức kỳ vọng trước thuế là 5%/năm.
 - Giao dịch số 3/065898/INFY/TV ký ngày 27/05/2024. Số tiền đầu tư là: 40.000.000.000 VND, thời gian giao dịch 6 tháng, mức lợi tức kỳ vọng trước thuế là 6%/năm.
 - Giao dịch số 2/065898/INFY/TV ký ngày 27/05/2024. Số tiền đầu tư là 40.000.000.000 VND, thời gian giao dịch 3 tháng, mức lợi tức kỳ vọng trước thuế là 5%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ban QLDA XD TP Phủ Lý- SN, HTKT CCN Kiện Khê 1 (SN Tôn Hoa Sen)	35.153.261.000	35.153.261.000
Công ty Cổ Phần Xây dựng công trình PLC	69.865.186.660	31.340.332.624
Ban QLDA Đầu tư xây dựng số II TP Phủ Lý- Kè Phủ Vân	7.624.553.000	7.624.553.000
Công ty Cổ phần Hancorp	5.469.766.781	5.501.625.806
Công ty Cổ Phần HAWEE Xây dựng Công nghiệp	3.859.468.427	3.859.468.427
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây Dựng Hải Lý	1.947.910.400	2.947.910.400
Công ty TNHH Xây dựng Quốc tế Chuang Xing	2.217.919.411	2.880.879.183
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Việt Nam Kiến Hưng	2.461.033.000	2.581.225.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Kansai Vina	3.174.425.001	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	26.176.616.393	25.271.372.097
	157.950.140.073	117.160.627.537
Phải thu khách hàng ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết thuyết minh số 8.2)	465.517.930	48.742.830

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Phú Cường	134.193.289	1.318.992.552
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Dịch vụ Phát An	1.271.000.000	1.271.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Huyền Quý	1.023.679.000	1.023.679.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ tòa nhà An Thịnh	1.000.403.580	1.000.403.580
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hà	987.900.000	987.900.000
Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Hà Nam	919.457.000	919.457.000
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Trần Anh	715.467.000	665.467.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Led	962.433.932	-
Các khoản trả trước người bán khác	1.561.564.450	3.450.656.391
	8.576.098.251	10.637.555.523

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 với tổng số tiền là 4.569.764.580 VND (tại ngày 31/12/2023 là 4.569.764.580 VND) là các nhà thầu phụ cho Dự án bệnh viện Việt Đức và Dự án bệnh viện Bạch Mai. Hiện tại, hai dự án đang dừng thi công nên chủ đầu tư chưa nghiệm thu cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt nên Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt chưa nghiệm thu cho các nhà thầu phụ.

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	-	-	87.304.381	-
	-	-	87.304.381	-

4.5.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	-	-	647.560.682	-
Các khoản phải thu khác	52.673.867.955	-	52.146.877.955	-
+ Tổng công ty Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội(1)	31.301.519.600	-	30.774.529.600	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý(2)	14.083.094.355	-	14.083.094.355	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên(3)	7.289.254.000	-	7.289.254.000	-
Cộng	52.673.867.955	-	52.794.438.637	-

(1) Chuyển tiền hợp đồng liên danh với Tổng công ty Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội theo hợp đồng số 01/HĐ – LD ngày 24/08/2018 để thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ Ngã ba Hòa Mạc đến QL38 mới theo hình thức BT, cụ thể:

- Thời hạn của liên danh có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến khi thanh lý hợp đồng giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và liên danh (Hợp đồng Dự án Đầu tư Xây dựng tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH.05 từ Km0+00 đến Km2+560,41 theo hình thức đối tác công tư).
- Phân chia trách nhiệm và quyền hạn giữa các thành viên liên danh:
 - + Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội thực hiện 60% giá trị dự án.
 - + Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện 40% giá trị dự án.
 - + Trên cơ sở phân khối lượng được phân chia các bên phải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ của dự án và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng giao nhận thầu ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và liên danh.
- Quyền lợi sau khi thực hiện hợp đồng liên danh là Công ty được thanh toán bằng quỹ đất ở và đất thương mại dịch vụ của Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở Chợ Lương và Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật khu Nhà ở đô thị Văn Xá.

(2) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Phủ Lý để bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại, dịch vụ và nhà ở Thành Đạt tại xã Liêm Tuyền và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam". Hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng.

(3) Là khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Duy Tiên để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án "Đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh Bắc tại địa bàn xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam".

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN

4.6. Nợ xấu	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND			
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.									
- Công ty Cổ phần Hancorp	Trên 3 năm	5.469.766.781	(5.469.766.781)	-	Trên 3 năm	5.501.625.806	-	(5.501.625.806)	-
- Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng Công nghiệp	Trên 3 năm	3.859.468.427	(3.859.468.427)	-	Trên 3 năm	3.859.468.427	-	(3.859.468.427)	-
- Hội đồng BT HT&TĐC Duy Tiên - XDHTK Lô E	Từ 2-3 năm	1.331.789.000	(1.331.789.000)	-	Từ 1-2 năm	1.331.789.000	-	-	1.331.789.000
- Ban QL phát triển KĐT mới - TT y tế chất lượng cao tỉnh Hà Nam	Từ 2-3 năm	1.287.184.300	(1.287.184.300)	-	Từ 1-2 năm	1.287.184.300	-	-	1.287.184.300
- Ban GPMB huyện Thanh Liêm - Sân nền 7% cụm công nghiệp Kịen Khê	Từ 1-2 năm	1.151.566.000	(1.151.566.000)	-	Từ 1-2 năm	1.151.566.000	-	-	1.151.566.000
- Ban QLDA đầu tư xây dựng số II TP Phủ Lý - Kè Phù Vân	Trên 1 năm	7.624.553.000	(1.143.682.950)	6.480.870.050	1 năm	7.624.553.000	-	-	7.624.553.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển Khu công nghiệp Kim Bảng	Trên 3 năm	1.149.852.500	(1.149.852.500)	-	Trên 3 năm	1.149.852.500	-	(1.149.852.500)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4	Trên 3 năm	1.085.543.625	(1.085.543.625)	-	Trên 3 năm	1.085.543.625	-	(1.085.543.625)	-
- Công ty cổ phần Vinaconex 25	Trên 3 năm	896.072.364	(896.072.364)	-	Trên 3 năm	896.072.364	-	(896.072.364)	-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	Trên 3 năm	660.164.670	(660.164.670)	-	Trên 3 năm	660.164.670	-	(660.164.670)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	Trên 3 năm	657.610.000	(657.610.000)	-	Trên 3 năm	657.610.000	-	(657.610.000)	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.062.940.393	(3.062.940.393)	-	Trên 3 năm	3.115.286.866	-	(3.115.286.866)	-
		28.236.511.060	(21.755.641.010)	6.480.870.050		28.320.716.558		(16.925.624.258)	11.395.092.300

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Ban Giám đốc công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.110.123.550	-	7.319.503.821	-
Công cụ dụng cụ	-	-	26.767.100	-
Chi phí SXKD dở dang	89.273.200.011	-	84.472.564.387	-
- San nền CN12 đến CNVN03 và một phần lô CN01	23.780.618.399	-	-	-
- Khu nhà ở chợ Lương xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	12.007.358.425	-	12.007.358.425	-
- Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai (i)	16.000.391.827	-	16.000.391.827	-
- Cơ sở 2 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức (i)	21.949.614.828	-	21.949.614.828	-
- Các công trình khác	15.535.216.532	-	34.515.199.307	-
Thành phẩm	-	-	1.227.943.387	-
Hàng hóa	626.630.065	-	928.847.051	-
	95.009.953.626	-	93.975.625.746	-

(i) Hiện tại, dự án xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Cơ sở 2 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức đang tạm dừng thi công. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đã nhận tiền ứng trước của 2 dự án này với tổng số tiền là 79.416.417.400 VND.

4.8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

4.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	153.283.332	290.865.203
	153.283.332	290.865.203

4.8.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí trả trước của mỏ cát	-	4.512.753.775
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	281.659.092	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	891.838.612	-
	1.173.497.704	4.512.753.775

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/Đã khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	3.583.083.304	126.080.000	14.698.300.975	16.098.589.186	2.182.795.093	635.560.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	467.884.183	1.435.567.979	-	1.150.220.274	182.536.478
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	181.452	-	181.452
Thuế tài nguyên	96.000.000	-	5.308.179.800	2.981.005.400	2.423.174.400	-
Phí, lệ phí và các loại thuế khác	153.574.477	-	2.607.624.110	1.536.542.498	1.224.656.089	-
	3.832.657.781	593.964.183	24.049.672.864	20.616.318.536	6.980.845.856	818.278.786

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a- DN

4.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu kỳ	150.186.008.716	101.647.093.536	32.399.508.248	848.685.454	4.799.183.214	289.880.479.168
Tăng trong kỳ	-	30.469.172.999	10.234.667	-	2.415.634.000	32.895.041.666
- Đầu tư XDCB hoàn thành		30.112.372.999	-	-	2.415.634.000	32.528.006.999
- Mua trong kỳ		356.800.000	-	-	-	356.800.000
- Tặng khác		-	10.234.667	-	-	10.234.667
Số cuối kỳ	150.186.008.716	132.116.266.535	32.409.742.915	848.685.454	7.214.817.214	322.775.520.834
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu kỳ	18.048.713.002	61.684.333.073	20.334.739.204	845.768.788	4.132.388.517	105.045.942.584
Tăng trong kỳ	2.396.148.444	4.145.451.412	1.374.635.309	2.398.989	133.070.396	8.051.704.550
- Khấu hao trong kỳ	2.396.148.444	4.145.451.412	1.364.400.642	2.398.989	133.070.396	8.041.469.883
- Tặng khác	-	-	10.234.667	-	-	10.234.667
Số cuối kỳ	20.444.861.446	65.829.784.485	21.709.374.513	848.167.777	4.265.458.913	113.097.647.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	132.137.295.714	39.962.760.463	12.064.769.044	2.916.666	666.794.697	184.834.536.584
Tại ngày cuối kỳ	129.741.147.270	66.286.482.050	10.700.368.402	517.677	2.949.358.301	209.677.873.700
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày đầu kỳ	-	21.511.401.172	15.731.639.212	762.321.818	4.123.733.214	42.129.095.416
Tại ngày cuối kỳ	-	35.306.528.444	15.731.639.212	848.685.454	4.123.733.214	56.010.586.324
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:						
Tại ngày đầu kỳ	24.941.321.471	-	3.503.502.155	-	-	28.444.823.626
Tại ngày cuối kỳ	23.817.572.105	-	2.382.381.460	-	-	26.199.953.565

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Cảng Yên Lệnh (i)	118.318.777.556	131.421.748.846
Dự án Trung tâm thương mại Liêm Tuyền (ii)	1.084.436.364	1.769.677.268
Dự án xây dựng Gara ô tô	1.032.901.199	743.825.273
Trung tâm thương mại Bến xe	-	236.363.636
	120.436.115.119	134.171.615.023

(i) Thông tin chi tiết Dự án Cảng Yên Lệnh:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh Bắc
- Địa điểm xây dựng: Xã Mộc Nam, Xã Chuyên Ngoại, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng cảng hàng hoá trên Sông Hồng;
- Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt ;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay ngân hàng;
- Tổng mức đầu tư: 468.424.000.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Bắt đầu triển khai từ tháng 02/2019 và dự kiến hoàn thành năm 2024;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2024: Đã hoàn thành giai đoạn 1 đưa vào sử dụng và đang thực hiện triển khai giai đoạn 2.

(ii) Thông tin chi tiết Dự án Trung tâm thương mại Liêm Tuyền:

- Tên dự án: Xây dựng HTKT khu thương mại dịch vụ và nhà ở Thành Đạt;
- Địa điểm xây dựng: Xã Liêm Tuyền, xã Liêm Tiết, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt ;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vay vốn ngân hàng;
- Tổng mức đầu tư: 103.350.036.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2018 đến năm 2026;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2024: Thực hiện giải phóng mặt bằng và điều chỉnh quy hoạch.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a- DN

4.12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty con	227.674.900.000	-	227.674.900.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	227.674.900.000	-	227.674.900.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	39.000.000.000	(24.318.746.905)	39.000.000.000	(24.318.746.905)	
Công ty Cổ phần Tân Cảng- Đồng Văn Hà Nam	39.000.000.000	(24.318.746.905)	39.000.000.000	(24.318.746.905)	(i)
	266.674.900.000	(24.318.746.905)	266.674.900.000	(24.318.746.905)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết :

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ quản lý hạ tầng khu công nghiệp. Trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện san lấp mặt bằng và xây dựng hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam.

- Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải logistic.

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000	7.487.788.000
Công ty Xây lắp công nghiệp Hà Nam	-	-	2.736.215.000	2.736.215.000
Công ty TNHH Thiết bị nâng Hải Phòng	100.000.000	100.000.000	440.000.000	440.000.000
Công ty TNHH Nguyễn Kim	3.811.015.120	3.811.015.120	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	2.618.280.605	2.618.280.605	452.869.005	452.869.005
Phải trả các đối tượng khác	11.415.050.882	11.415.050.882	14.697.205.735	14.697.205.735
	25.432.134.607	25.432.134.607	25.814.077.740	25.814.077.740

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai- HTKT	28.618.399.800	28.618.399.800
Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	50.798.017.600	50.798.017.600
Các khoản người mua trả tiền trước khác	795.542.801	254.451.699
	80.211.960.201	79.670.869.099

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí kiểm toán	106.000.000	146.500.000
Trích trước tiền thuê đất mở khai thác cát	753.222.426	-
	859.222.426	146.500.000

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Doanh thu nhận trước cho thuê mặt bằng và phòng khách sạn	908.060.000	732.500.000
	908.060.000	732.500.000

4.17. Phải trả khác

4.17.1. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	132.000.000	264.000.000
Bảo hiểm xã hội	4.270.501	-
	136.270.501	264.000.000

4.17.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	213.000.000	213.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.885.776.000	21.885.776.000
<i>Ngân sách Nhà nước tỉnh Hà Nam (i)</i>	<i>21.885.776.000</i>	<i>21.885.776.000</i>
	22.098.776.000	22.098.776.000

- (i) Quyết định số 295/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ngày 31/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình tiêu dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch xã Liêm Tuyền, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam thuộc hợp phần cấp nước chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tỉnh Hà Nam.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a- DN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính						
4.18.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	4.798.000.000	4.798.000.000	4.219.899.857	2.000.000.000	7.017.899.857	7.017.899.857
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Nam (1)	-	-	4.219.899.857	-	4.219.899.857	4.219.899.857
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nam (2)	4.798.000.000	4.798.000.000	-	2.000.000.000	2.798.000.000	2.798.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 4.18.2)	3.096.000.000	3.096.000.000	3.898.000.000	1.548.000.000	5.446.000.000	5.446.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.894.000.000	7.894.000.000	8.117.899.857	3.548.000.000	12.463.899.857	12.463.899.857

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 202427370829 ký ngày 15/01/2024, hạn mức tín dụng 33.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán tiền mua hàng của Công ty. Thời hạn vay là lãi suất vay được quy định trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Sổ tiết kiệm số 030086961977/CV075273 do Sacombank phát hành ngày 05/01/2023. Trị giá sổ tiết kiệm là 10.879.493.639 đồng của ông Nguyễn Huy Cương – bên liên quan là chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Sổ tiết kiệm số 030086962574/CV075274 do Sacombank phát hành ngày 05/01/2023. Trị giá sổ tiết kiệm là 10.879.493.639 đồng của bà Nguyễn Thanh Tâm – bên liên quan là Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Sổ tiết kiệm số 030074116899/CS123855 do Sacombank phát hành ngày 20/01/2023. Trị giá sổ tiết kiệm là 11.500.775.812 đồng của bà Nguyễn Thanh Tâm – bên liên quan là Thành viên Hội đồng quản trị.
- (2) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 446/22/HĐHM/NQ71 ký ngày 27/12/2023, hạn mức tín dụng: 13.590.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán tiền mua hàng của Công ty. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng: Tài sản của bên liên quan là các sổ tiết kiệm và quyền sử dụng đất tại thôn Khê Lôi, xã Liềm Tiết, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam của vợ chồng ông Nguyễn Quang Trí - bà Nguyễn Thanh Tâm (thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc), bên liên quan - vợ chồng ông Nguyễn Huy Cương (bên liên quan là Chủ tịch Hội đồng quản trị) - bà Phạm Thị Loan.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a- DN

4.18.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	59.251.214.150	59.251.214.150	2.050.000.000	1.751.278.000	59.549.936.150	59.549.936.150
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	10.169.000.000	10.169.000.000	-	1.548.000.000	8.621.000.000	8.621.000.000
Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ (3)	8.791.753.000	8.791.753.000	-	203.278.000	8.588.475.000	8.588.475.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (4)	40.290.461.150	40.290.461.150	2.050.000.000	-	42.340.461.150	42.340.461.150
	59.251.214.150	59.251.214.150	2.050.000.000	1.751.278.000	59.549.936.150	59.549.936.150
<u>Trong đó:</u>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng:	3.096.000.000	3.096.000.000			5.446.000.000	5.446.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.096.000.000	3.096.000.000			5.446.000.000	5.446.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (2)	3.096.000.000	3.096.000.000			3.096.000.000	3.096.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (4)	-	-			2.350.000.000	2.350.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	56.155.214.150	56.155.214.150			54.103.936.150	54.103.936.150

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

- (2) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam cụ thể như sau:
- Theo hợp đồng vay từng lần trung, dài hạn số 138/20/HĐHM/5C92 ký ngày 28 tháng 04 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán chi phí mua xe ben tự đổ Howo theo hợp đồng kinh tế số 0015/20200401/VUDV/HĐKT-109 ngày 01/04/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quy định theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng 5 xe ô tô ben tự đổ Howo.
 - Theo hợp đồng vay từng lần trung, dài hạn số 446/22/HĐTL/NQ71 ký ngày 27 tháng 12 năm 2022 nhằm mục đích tài trợ cho nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án mua 01 bộ Cầu cột cố định hiệu Macgregor model GL4524/4057/3630-2 và 01 cầu trục cố định GL4526/402. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quy định theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng: Tài sản của bên liên quan là các sổ tiết kiệm và quyền sử dụng đất tại thôn Khê Lôi, xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của vợ chồng ông Nguyễn Quang Trí - bà Nguyễn Thanh Tâm và bên liên quan - vợ chồng ông Nguyễn Huy Cường - bà Phạm Thị Loan.
- (3) Là khoản vay vốn dài hạn do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 nhằm mục đích thực hiện dự án Nước sạch Liêm Tuyên - Liêm Kiệt. Thời hạn vay là 21 năm, lãi suất cho vay 2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Nhà máy nước sạch Liêm Tuyên - Liêm Kiệt.
- (4) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT384-THANHDAT ký ngày 10/07/2023, hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND, lãi suất cho vay quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án xây dựng cảng Yên Lệnh Bắc tại xã Mộc Nam và Chuyên Ngoại. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng cầm cố, thế chấp của bên liên quan là ông Nguyễn Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị và bà Nguyễn Thanh Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC ngày 02/07/2010;
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/HĐTC ngày 20/06/2016;.
 - Các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2019/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 05/04/2019, 04/2019/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 29/08/2019, 05/2019/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 24/10/2019, 06/2019/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 24/10/2019, 03/2021/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 24/12/2021, 05/2021/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 24/12/2021, 01/2022/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 29/12/2022, 02/2022/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 29/12/2022, 01/2021/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 05/08/2021;
 - Hợp đồng cầm cố tiền gửi tiết kiệm online số 02/2021/HĐBĐ/NHCT384-TĐ ngày 25/08/2021, và toàn bộ tài sản HTTTL từ dự án Cảng Yên Lệnh Bắc.

4.18.3. Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng 1 năm	5.446.000.000	3.096.000.000
Trong năm thứ hai	12.699.278.000	5.446.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	33.629.295.150	42.730.573.150
Sau năm năm	7.775.363.000	7.978.641.000
	59.549.936.150	59.251.214.150

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a- DN

4.19. Vốn chủ sở hữu	VND	VND	VND
4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	424.152.890.000	180.167.448.544	604.320.338.544
Tăng trong năm trước	69.291.270.000	-	69.291.270.000
- Lãi trong năm trước	-	73.114.840.693	73.114.840.693
- Giảm do sáp nhập	-	(4.006.652.399)	(4.006.652.399)
- Phân phối lợi nhuận	-	(69.291.270.000)	(69.291.270.000)
- Giảm khác	-	(264.000.000)	(264.000.000)
Số dư cuối năm trước	493.444.160.000	179.720.366.838	673.164.526.838
Số dư đầu kỳ này	493.444.160.000	179.720.366.838	673.164.526.838
Tăng trong kỳ	-	166.590.045.543	166.590.045.543
- Lãi trong kỳ	-	166.590.045.543	166.590.045.543
Số dư cuối kỳ này	493.444.160.000	346.310.412.381	839.754.572.381

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Huy Cường	146.050.970.000	29,60%	146.050.970.000	29,60%
Bà Nguyễn Thanh Tâm	28.938.300.000	5,86%	28.938.300.000	5,86%
Ông Nguyễn Quang Trí	26.090.840.000	5,29%	26.090.840.000	5,29%
Cổ đông khác	292.364.050.000	59,25%	292.364.050.000	59,25%
	493.444.160.000	100,00%	493.444.160.000	100,00%

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	493.444.160.000	424.152.890.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	69.291.270.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	493.444.160.000	493.444.160.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.935.000.000

4.19.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.344.416	49.344.416
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.344.416	49.344.416
+ Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	49.344.416
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.344.416	49.344.416
+ Cổ phiếu phổ thông	49.344.416	49.344.416
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.19.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận đầu kỳ chưa phân phối	179.720.366.838	180.167.448.544
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	166.590.045.543	88.908.857.635
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong kỳ	346.310.412.381	269.076.306.179
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	(8.941.652.399)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	(4.935.000.000)
- Giảm do nhận sáp nhập	-	(4.006.652.399)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	346.310.412.381	260.134.653.780

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.9. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán bê tông	16.537.100.060	24.004.517.803
Doanh thu xây lắp	45.159.901.239	104.116.925.378
Doanh thu xăng dầu	38.428.183.309	11.956.471.332
Doanh thu Khác	19.952.212.648	8.774.649.527
	120.077.397.256	148.852.564.040
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 8.2)	2.376.930.672	56.861.321.431

5.10. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán bê tông	14.770.651.698	19.967.892.114
Giá vốn xây lắp	29.740.856.726	96.358.462.652
Giá vốn xăng dầu	36.589.195.071	11.848.708.867
Giá vốn bán hàng khác	15.809.623.512	4.932.763.782
	96.910.327.007	133.107.827.415

5.11. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	360.089.572	711.441.403
Lãi từ các khoản đầu tư	158.418.690.184	79.849.428.358
	158.778.779.756	80.560.869.761
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 8.2)	158.418.690.184	79.849.428.358

5.12. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.585.801.080	928.484.326
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	946.254.479
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(3.596.072.639)
	2.585.801.080	(1.721.333.834)

5.13. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	1.210.061.439	465.083.959
	1.210.061.439	465.083.959

5.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	1.114.303.945	1.071.964.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	422.295.255	423.032.706
Thuế, phí và lệ phí	9.690.200	-
Chi phí bảo lãnh công trình	-	2.427.743.198
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.830.016.752	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.670.765.906	3.330.783.326
	10.047.072.058	7.253.524.155

5.15. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	-	609.090.908
- <i>Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định</i>	-	609.090.908
- <i>Giá trị còn lại và chi phí thanh lý</i>	-	-
Thu nhập khác	200	29.539.867
	200	638.630.775

5.16. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	77.302.106	118.966.383
	77.302.106	118.966.383

5.17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	1.435.567.979	1.919.138.863
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.435.567.979	1.919.138.863

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.025.613.522	90.827.996.498
- Các khoản điều chỉnh tăng	289.318.773	552.434.163
+) <i> Lỗ của chi nhánh</i>	-	221.451.113
+) <i> Chi phí không hợp lệ</i>	289.318.773	330.983.050
- Các khoản điều chỉnh giảm	(161.137.092.401)	(81.784.736.345)
+) <i> Lãi khoản đầu tư được chia trong kỳ</i>	(158.418.690.184)	(79.849.428.358)
+) <i> Lỗ của chi nhánh các năm trước</i>	(2.718.402.217)	(1.935.307.987)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	7.177.839.894	9.595.694.316
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	7.177.839.894	9.595.694.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	1.435.567.979	1.919.138.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	1.435.567.979	1.919.138.863

5.18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.256.954.574	73.999.884.983
Chi phí nhân công	4.619.332.009	1.537.048.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.041.469.883	7.376.532.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.322.623.759	14.782.506.115
Chi phí khác bằng tiền	4.020.613.978	3.591.080.558
	128.260.994.203	101.287.053.239

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.9. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.269.899.857	2.000.000.000
	6.269.899.857	2.000.000.000

6.10. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.751.278.000	17.881.012.000
	3.751.278.000	17.881.012.000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đưa đến yếu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7.10. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.10.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tổng thu nhập Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Huy Cường	Chủ tịch	62.253.970	64.745.284
Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên	37.105.962	32.400.000
Trần Việt Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	51.805.015	46.915.000
Ban kiểm soát			
Phạm Văn Hà	Trưởng ban	45.113.269	39.240.000
Nguyễn Đức Dự	Thành viên	48.487.307	46.080.000
Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	36.360.577	32.400.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Nguyễn Quang Trí	Phó Tổng Giám đốc	38.879.616	32.400.000
Dương Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	38.079.615	28.714.500
		358.085.331	322.894.784

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.10.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm : các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III	Hà Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Trí Dũng	Hà Nam	Thành viên chủ chốt có mối quan hệ mật thiết
Công ty TNHH Quang Anh	Hà Nam	Thành viên chủ chốt có mối quan hệ mật thiết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ kế toán này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau :

	Nội dung giao dịch	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.376.930.672	56.861.321.431
Công ty TNHH Quang Anh	Doanh thu xăng dầu	22.063.081	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III	Doanh thu xây lắp và bán xăng dầu	2.354.867.591	56.820.059.931
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	Doanh thu khác	-	41.261.500
Thu tiền bán hàng		2.155.295.521	43.488.443.320
Công ty TNHH Quang Anh	Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	24.269.389	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III	Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.131.026.132	43.488.443.320
Doanh thu hoạt động tài chính		158.418.690.184	79.849.428.258
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III	Nhận tiền chia cổ tức	158.418.690.184	79.849.428.258
Mua hàng hóa, dịch vụ		-	4.400.532.260
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	Mua dịch vụ	-	3.990.342.260
Công ty TNHH Quang Anh	Mua hàng hóa	-	410.190.000
Trả tiền mua hàng		-	4.650.000.410
Công ty TNHH Quang Anh	Trả tiền mua hàng hóa	-	410.190.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bến xe Thành Đạt	Trả tiền mua hàng hóa	-	4.239.810.410

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác :

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	465.517.930	48.742.830
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III	465.517.930	48.742.830

7.11. Thông tin về bộ phận

Theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính. Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

KỲ TRƯỚC

Chỉ tiêu	Xây lắp công trình	Bán thành phẩm bê tông	Bán xăng dầu	Hoạt động khác	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	104.116.925.378	24.004.517.803	11.956.471.332	8.774.649.527	148.852.564.040
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	104.116.925.378	24.004.517.803	11.956.471.332	8.774.649.527	148.852.564.040
Khấu hao và chi phí phân bổ	102.803.646.675	21.239.786.339	11.848.708.867	5.862.777.974	141.754.919.855
Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.313.278.703	2.764.731.464	107.762.465	2.911.871.553	7.097.644.185
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	20.695.533.815	20.695.533.815
Tài sản bộ phận cuối kỳ	236.294.431.782	43.349.109.497	3.496.843.166	571.065.633.922	854.206.018.367
Tài sản không phân bổ cuối kỳ	-	-	-	-	78.179.364.966
Tổng Tài sản cuối kỳ	236.294.431.782	43.349.109.497	3.496.843.166	571.065.633.922	932.385.383.333
Nợ phải trả bộ phận cuối kỳ	212.842.843.761	10.135.225.625	5.048.280.312	13.422.463.019	241.448.812.718
Nợ phải trả không phân bổ cuối kỳ	-	-	-	-	1.714.026.835
Tổng Nợ phải trả cuối kỳ	212.842.843.761	10.135.225.625	5.048.280.312	13.422.463.019	243.162.839.553

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

KỶ NÀY

Chỉ tiêu	Xây lắp công trình VND	Bán thành phẩm bê tông VND	Bán xăng dầu VND	Hoạt động khác VND	Tổng bộ phận đã báo cáo VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	45.159.901.239	16.537.100.060	38.428.183.309	19.952.212.648	120.077.397.256
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	45.159.901.239	16.537.100.060	38.428.183.309	19.952.212.648	120.077.397.256
Khấu hao và chi phí phân bổ	38.502.656.478	15.738.420.045	37.774.350.655	18.737.834.407	110.753.261.584
Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.657.244.761	798.680.015	653.832.654	1.214.378.241	9.324.135.672
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				14.823.237.116	14.823.237.116
Tài sản bộ phận cuối kỳ	225.084.204.230	38.202.998.245	2.654.327.166	614.658.865.410	880.600.395.051
Tài sản không phân bổ cuối kỳ					163.274.840.487
Tổng Tài sản cuối kỳ	225.084.204.230	38.202.998.245	2.654.327.166	614.658.865.410	1.043.875.235.538
Nợ phải trả bộ phận cuối kỳ	102.041.538.982	4.195.097.212	1.434.718.458	79.818.159.589	187.489.514.241
Nợ phải trả không phân bổ cuối kỳ					16.631.148.916
Tổng Nợ phải trả cuối kỳ	102.041.538.982	4.195.097.212	1.434.718.458	79.818.159.589	204.120.663.157

7.12. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập khác.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cùng thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập khác.



Người lập biểu
Đinh Thị Phương Thảo



Kế toán trưởng
Dương Thị Thu Hiền



Tổng Giám đốc
Trần Việt Đức
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 26 tháng 08 năm 2024

